

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/ HNGĐ-PT
Ngày 18/01/2018
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Gia Lương
Bà Phạm Thị Minh Hiền

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 18/01/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2017/TLPT-HNGĐ ngày 13/11/2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 71/2017/HNGĐ-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2017/QĐPT-HNGĐ, ngày 13/12/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 42/2017/QĐ-PT ngày 18/12/2017 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

-Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm 4, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

-Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Công trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị H năm 2010 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh và chị H bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra xô sát, cãi nhau. Tháng 01/2016 chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ đó. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không thay đổi. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Nguyễn Tiên Đ, sinh ngày 31/5/2012 và cháu Nguyễn Thị Huyền T sinh ngày 14/11/2013, hiện cả 2 cháu đang ở cùng chị H. Nay ly hôn anh đề nghị mỗi người nuôi 01 cháu, tiền cấp dưỡng nuôi con không đề nghị Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã T, huyện L và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô sát, bất đồng quan điểm sống. Chị bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ đầu năm 2016 đến nay, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh C xin ly hôn chị đồng ý.

-Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có 02 con chung như anh C khai là đúng, hiện tại cả 2 cháu đang sống chung cùng chị, khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nay ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi cả 2 con chung và không yêu cầu anh C góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung, công nợ: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 71/2017/HNGĐ-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện L đã áp dụng Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị H.

Về nuôi con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Huyền T sinh ngày 14/11/2013, chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 31/5/2012.

Sau khi ly hôn, anh C, chị H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh C, chị H thực hiện quyền này.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2015/0002473, ngày 28/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Anh C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định quyền kháng cáo, quyền thi hành án cho các đương sự.

Ngày 06/10/2017 chị Nguyễn Thị H kháng cáo bản án, cùng ngày chị H nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Chị H kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm chỉ đề nghị giao cho chị nuôi cả hai con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền T sinh ngày 14/11/2013; cháu Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 31/5/2012.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn C không rút đơn khởi kiện, bị đơn chị Nguyễn Thị H không rút đơn kháng cáo. Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị kháng cáo bản án sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho chị nuôi hai con vì các cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ, chị hiện nay đang làm tại Công ty TNHH FLEX Việt Nam ở xã Q, huyện V, Bắc Giang. Thu nhập khoảng gần 10 triệu đồng/tháng. Đủ điều kiện nuôi con. Chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn C trình bày: Sau khi nghe ý kiến chị H và phân tích của Hội đồng xét xử. Anh đồng ý cho chị H nuôi hai con với điều kiện chị H không được cản trở anh khi anh đến thăm con và tạo điều kiện cho anh đón con khi nhà anh có công việc, dạy dỗ con tốt tránh việc khi anh đến thăm con, con có lời nói khiến anh phải suy nghĩ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm chị H và anh C thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giao hai con chung cho chị H nuôi. Chị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị H kết hôn năm 2010 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Anh C xin ly hôn, chị H đồng ý. Bản án sơ thẩm công nhận thuận tình ly hôn giữa anh C và chị H. Các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

[2]. Về con chung: Anh C và chị H có 02 con chung là Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 31/5/2012 và Nguyễn Thị Huyền T sinh ngày 14/11/2013, hiện cả 2 cháu đang ở cùng chị H. Bản án sơ thẩm giao cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Huyền T sinh ngày 14/11/2013, chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 31/5/2012. Chị H kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm đề nghị được nuôi cả hai con chung. Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm anh C, chị H thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung. Anh C đồng ý giao hai con chung là cháu Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 31/5/2012 và Nguyễn Thị Huyền T sinh ngày 14/11/2013 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy sự thỏa thuận của chị H, anh C là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300 và khoản 2 Điều 302 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của chị H. Sửa bản án sơ thẩm. Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị H. Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền T sinh ngày 14/11/2013, cháu Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 31/5/2012.

Đối với cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Do sửa bản án sơ thẩm nên chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn trả chị H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị H. Sửa bản án sơ thẩm về phần con chung.

Áp dụng: Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị H.

Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền T sinh ngày 14/11/2013, cháu Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 31/5/2012.

Anh Nguyễn Văn C được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Công thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H không phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoan trả chị Nguyễn Thị H số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số AA/2016/0004048, ngày 06/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- THADS huyện L;
- UBND xã T;
- Các đương sự; lưu HS, TPHC.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

